

QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Căn cứ vào các Điều 26; 34 và 41 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự đã thụ lý số: 87/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Giữa các đương sự:

1. Bà **Nguyễn Thị N1** – sinh năm: 1963

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

2. Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm: 1966

3. Ông **Nguyễn Văn T1** – sinh năm: 1968

4. Bà **Nguyễn Thị Kim L1** – sinh năm: 1975

5. Bà **Nguyễn Thị Thanh H2** – sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: Số nhà 243, ấp E, xã F, huyện G, tỉnh H.

Các nguyên đơn ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Tuấn A** – sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 355A, khóm I, thị trấn J, huyện G, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn H3** – sinh năm: 1982 (văn phòng luật sư Kim Xuyên-đoàn luật sư tỉnh H).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K** – sinh năm: 1985

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Trần Hồng N2** – sinh năm: 1985

2. Ông **Nguyễn Hữu H4** – sinh năm: 1970

3. Ông **Lê Văn D** – sinh năm 1969

4. Bà **Nguyễn Thị Kim L2** - sinh năm 1966

5. Ông **Lê Trung T2** – sinh năm 1992

6. Bà **Lê Thị Trúc L3** – sinh năm 1991

7. Bà **Từ Thị L4** – sinh năm 1992

8. Bà **Nguyễn Thị Thúy L5** – sinh năm: 1987
9. Bà **Nguyễn Thị Đ1** – sinh năm: 1972
10. Bà **Nguyễn Thị T3** – sinh năm: 1970
11. Ông **Mã Văn G** – sinh năm: 1970
12. Ông **Mã Thị L6** – sinh năm: 1992
13. Ông **Mã Văn P1** – sinh năm: 2001
14. Bà **Nguyễn Thị T4** – sinh năm: 1943
15. Bà **Nguyễn Thị P2** – sinh năm: 1972
16. Bà **Nguyễn Thị T5** – sinh năm: 1976
17. Ông **Nguyễn Văn N3** – sinh năm: 1978
18. Bà **Nguyễn Thị M1** – sinh năm: 1984
19. Ông **Nguyễn Văn M2** – sinh năm: 1967
20. Ông **Nguyễn Tứ H5** – sinh năm: 1998
21. Bà **Nguyễn Thị Ly L7** – sinh năm: 2001

Cùng địa chỉ: khu vực K, phường L, quận M, thành phố N.

22. Bà **Nguyễn Anh Đ2** – sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 711E, khóm O, phường P, thành phố Q, tỉnh S.

23. Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Văn H6** – Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường quận M

Địa chỉ: khu vực X, phường M, quận M, thành phố N.

Xét thấy: Các nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00790, do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 21/11/2005 cho ông Nguyễn Văn K đứng tên tại thửa đất 568, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại khu vực K, phường L, quận M, thành phố N, bởi vì cho rằng nguồn gốc thửa đất 568 là do ông Nguyễn Văn B (cha các nguyên đơn) đứng tên trong sổ bộ địa chính, ông Nguyễn Văn K không thuộc hàng thừa kế của ông B nhưng vào ngày 23/9/2005 ông K lại làm tờ khai nhận di sản thừa kế của ông B và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các nguyên đơn không hề hay biết. Qua xác minh, thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ông K thừa nhận ông là con của Nguyễn Phú C, ông C là con của Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C là anh em ruột chứ không phải vợ chồng nên ông K không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B. Qua đó cho thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là chưa đúng quy định pháp luật về thừa kế.

Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là cấp lần đầu, tại phiên tòa ý kiến nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát cũng thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chuyển vụ án để giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 34 của Luật tố tụng hành chính việc xem xét hủy quyết định hành chính cá biệt về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa các đương sự có tên nêu trên để Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết theo thẩm quyền.

2. Số tiền tạm ứng án phí và các chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp sẽ được xử lý khi Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết vụ án.

3. Các đương sự có quyền khiếu nại Quyết định này trong hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG HIẾU